

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ 01.01.2016
KẾT THÚC NGÀY 31.12.2016

MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bảng Cân đối kế toán hợp nhất

3 - 4

Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

5

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

6

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

9 - 37

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		1.690.996.182.570	1.982.289.230.465
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	163.402.922.102	252.609.491.417
1. Tiền	111		109.085.984.672	127.289.823.338
2. Các khoản tương đương tiền	112		54.316.937.430	125.319.668.079
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		11.495.754.445	15.320.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	2.000.000.000	2.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5.2	(1.040.000.000)	(680.000.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.3	10.535.754.445	14.000.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		494.899.832.986	768.496.355.065
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.4	397.444.884.330	655.488.805.573
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		51.547.624.904	56.850.214.040
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	47.509.008.747	57.705.874.713
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(1.601.684.995)	(1.548.539.261)
IV- Hàng tồn kho	140	5.6	911.719.012.202	840.806.115.546
1. Hàng tồn kho	141		917.620.795.334	847.164.695.938
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.901.783.132)	(6.358.580.392)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		109.478.660.835	105.057.268.437
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	14.901.671.095	15.712.073.925
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		81.598.720.734	71.424.380.359
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.12	12.978.269.006	17.920.814.153
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		1.016.674.791.260	753.595.975.055
I Các khoản phải thu dài hạn	210		51.006.221.560	32.854.758.817
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	51.006.221.560	32.854.758.817
II Tài sản cố định	220		745.262.135.028	528.959.643.979
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	706.994.678.929	498.384.823.011
- Nguyên giá	222		1.385.375.526.358	1.087.392.270.731
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(678.380.847.429)	(589.007.447.720)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	38.267.456.099	30.574.820.968
- Nguyên giá	228		52.867.733.386	41.326.258.581
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(14.600.277.287)	(10.751.437.613)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.378.129.112	279.131.296
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.378.129.112	279.131.296
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	121.992.313.143	114.118.264.755
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		94.236.699.758	79.272.411.370
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		27.755.613.385	34.845.853.385
VI Tài sản dài hạn khác	260		97.035.992.417	77.384.176.208
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	97.035.992.417	77.310.101.373
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	74.074.835
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		2.707.670.973.830	2.735.885.205.520

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		2.313.398.689.454	2.300.808.915.433
I- Nợ ngắn hạn	310		1.984.940.896.144	2.163.912.268.403
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	298.202.792.065	295.153.289.744
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		74.950.111.445	43.869.006.152
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	29.759.479.379	25.136.691.574
4. Phải trả người lao động	314		229.322.262.831	257.360.268.343
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	44.317.098.563	38.344.750.198
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		8.078.600.923	2.215.839.794
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	56.301.426.390	46.762.455.659
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	1.176.828.009.062	1.400.310.126.343
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		39.356.892.228	29.144.918.195
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		27.824.223.258	25.614.922.401
II- Nợ dài hạn	330		328.457.793.310	136.896.647.030
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.11	375.597.034	1.496.498.790
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		12.868.137.514	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		22.205.546.226	15.259.492.405
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	22.769.272.774	35.629.182.174
8. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.15	266.227.335.315	84.511.473.661
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		2.679.760.000	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.332.144.447	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		394.272.284.376	435.076.290.087
I- Vốn chủ sở hữu	410		394.272.284.376	435.076.290.087
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	5.16	182.000.000.000	182.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		182.000.000.000	182.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		45.373.475.832	46.905.955.386
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		86.181.559.544	100.131.461.521
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		33.970.211.343	3.913.329.503
- LNST chưa phân phối kì này	421b		52.211.348.201	96.218.132.018
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	423		80.717.249.000	106.038.873.180
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300+400)	440		2.707.670.973.830	2.735.885.205.520

Người lập



Phùng Thị Quế Thanh

Kế toán trưởng



Mai Văn Hoàng Dũng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2017

Tổng Giám đốc



Phạm Phú Cường

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.18	4.233.351.094.394	4.433.111.496.685
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		17.898.906.038	15.354.227.698
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.18	4.215.452.188.356	4.417.757.268.987
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	3.412.883.530.611	3.538.698.685.288
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		802.568.657.745	879.058.583.699
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	41.248.661.484	55.761.535.440
7. Chi phí tài chính	22	5.21	79.808.032.946	123.742.414.301
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		38.696.199.791	36.213.513.296
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		6.660.722.234	11.744.854.538
9. Chi phí bán hàng	24	5.22	309.616.050.242	306.194.534.674
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.23	405.505.789.237	383.943.271.986
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		55.548.169.038	132.684.752.716
12. Thu nhập khác	31	5.24	34.510.206.104	21.356.972.615
13. Chi phí khác	32	5.24	10.128.607.493	10.148.220.044
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		24.381.598.611	11.208.752.571
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		79.929.767.649	143.893.505.287
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.26	26.115.037.594	28.743.441.304
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		1.274.373.295	(14.085.364)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		52.540.356.760	115.164.149.347
19. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	61		52.211.348.201	89.029.039.440
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		329.008.559	26.135.109.907
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.27	2.217	4.290

Người lập



Phùng Thị Quế Thanh

Kế toán trưởng



Mai Văn Hoàng Dũng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2017

Tổng Giám đốc



Phạm Phú Cường

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	90.563.693.811	143.893.505.287
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	110.823.013.103	97.867.090.707
- Các khoản dự phòng	03	8.891.923.402	28.511.276.673
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	04	(9.389.703.609)	5.494.571.027
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(39.989.420.694)	(40.220.961.827)
- Chi phí lãi vay	06	38.512.263.982	36.213.513.296
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	199.411.769.995	271.758.995.163
- Biến động các khoản phải thu	09	298.332.791.164	(236.038.307.326)
- Biến động hàng tồn kho	10	(62.019.208.853)	(92.272.189.163)
- Biến động các khoản phải trả	11	(140.334.024.012)	138.145.364.425
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	1.022.393.670	(35.737.570.756)
- Tăng/giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(44.529.237.301)	(36.213.513.296)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(21.716.749.234)	(28.748.825.652)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	125.641.704	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(29.347.522.291)	(10.786.665.205)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	200.945.854.842	(29.892.711.810)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(118.299.375.590)	(126.524.252.146)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	15.895.145.693	1.174.831.776
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(535.754.445)	(10.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(21.727.324.250)	(11.825.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	4.350.000.000	6.226.087.203
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	30.332.263.819	8.737.025.577
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(85.985.044.773)	(132.211.307.590)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	7.822.324.250	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã	32	(5.000.000.000)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	3.151.421.935.642	3.387.958.169.476
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.286.806.612.070)	(3.037.665.402.475)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(72.815.638.000)	(59.270.510.121)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(205.377.990.178)	291.022.256.880
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(90.417.180.109)	128.918.237.480
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	252.609.491.417	121.505.491.954
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.210.610.794	2.185.761.983
Ảnh hưởng của việc tái phân loại các khoản tương	62	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	163.402.922.102	252.609.491.417

Người lập

Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 1 năm 2017

Tổng Giám đốc

Phùng Thị Quế Thanh

Mai Văn Hoàng Dũng

Phạm Phú Cường

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/09/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300398889 ngày 24 tháng 3 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư Tp. HCM cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 ngày 08 tháng 09 năm 2015.

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company, tên viết tắt là: NHABECO.

Vốn điều lệ là: 182.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	5.040.000	50.400.000.000	27,69%
Công ty Cổ phần 4M	1.780.000	17.800.000.00	9,78%
Công ty CP TM & Vận tải Biển Bom	49.122	491.220.000	0,27%
Các cổ đông khác	11.330.878	113.308.780.000	62,26%
Tổng	18.200.000	182.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Số lao động tại ngày 31/12/2016: 5.762 người (31/12/2015 là: 6.501 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty bao gồm nhiều lĩnh vực, trong đó chủ yếu là tập trung vào các lĩnh vực sau đây:

- Sản xuất, mua bán sản phẩm dệt - may, nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng linh kiện phục vụ ngành dệt, may;
- Giặt, tẩy, in trên sản phẩm nhuộm;
- Mua, bán sản phẩm chế biến từ nông - lâm - hải sản, máy móc thiết bị, phụ tùng kim khí điện máy gia dụng và công nghiệp, điện tử, công nghệ thông tin;
- Xây dựng và kinh doanh nhà;
- Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ kho bãi;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng ô tô và đường thủy nội địa;
- Kinh doanh nhà hàng, lưu trú du lịch, khách sạn;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế;
- ...

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp***Danh sách các công ty con được hợp nhất***

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Gia Lai
Địa chỉ	: Đường Lý Thái Tổ, tổ 12, Yên Đỗ, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 51%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Đà Lạt
Địa chỉ	: Số 9, Phù Đồng Thiên Vương, Phường 8, Tp. Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 55%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 55%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Bình Định
Địa chỉ	: Số 105 Trần Hưng Đạo, phường Hải Cảng, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 51,84%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51,84%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May An Nhơn
Địa chỉ	: Số 71 Nguyễn Đình Chiểu, P. Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 64,65%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Tam Quan
Địa chỉ	: Cụm công nghiệp Tam Quan, thị trấn Tam Quan, huyện Hoài Nhơn, Bình Định
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 58,78%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may Nhà Bè
Địa chỉ	: Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 51%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè
Địa chỉ	: Số 204 Thống Nhất, phường Tân Thiện, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 51,48%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51,48%
Tên Công ty	: Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè
Địa chỉ	: Cụm công nghiệp Trung An, Ấp Bình Tạo, xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 70%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 70%

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Gia Phúc
Địa chỉ	: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, Tp. HCM
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 51%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51%

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang
Địa chỉ	: Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 72%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 72%

Danh sách các công ty liên doanh, liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất

Tên Công ty	: Công ty CP Đầu tư & Phát triển Dịch vụ Thương mại Nhà bè
Địa chỉ	: Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 28,58%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 28,58%

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè
Địa chỉ	: Số 13A, Tổng Văn Trân, phường 5, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 33,19%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 33,19%

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May 9 - Nam Định
Địa chỉ	: Số 215, Hàng Thao, Tp. Nam Định, tỉnh Nam Định.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 34,33%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 34,33%

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè
Địa chỉ	: 139 Trần Trọng Cung, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 30%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 30%

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Bất Động sản Nhà Bè
Địa chỉ	: Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 30%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 30%

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Xây lắp Công nghiệp Nhà Bè
Địa chỉ	: Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 29,99%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 29,99%

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Bảo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Sông Tiền
Địa chỉ	: Ấp Bình Tạo, Trung An, Tp. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 43,89%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 43,89%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Truyền thông và Du lịch NBC
Địa chỉ	: Thôn Mũi Đá, xã Tân Phước, thị xã La Gi, Bình Thuận.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 36,87%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 36,78%
Tên Công ty	: Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa
Địa chỉ	: Lô A8, Cụm Công nghiệp La Hà, thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 25%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 25%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Thương mại Bán lẻ Nhà Bè
Địa chỉ	: Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 32,84%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 32,84%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần SX - TM - DV Hưng Phát
Địa chỉ	: Số 12 Đường Mai Hắc Đế, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 20%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 20%

Các đơn vị phụ thuộc

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bình Phát

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bảo Lộc

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May An Giang

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Kon Tum

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh May Bình Định

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Phía Bắc

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Hà Nội

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Đà Nẵng

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại tại ngày 31/12/2016.

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại tại ngày 31/12/2016.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền:

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào Công ty con: Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các Công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các Công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa Công ty mẹ và Công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Tổng Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền bằng sáng chế, quyền phát hành, công thức pha chế,... và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2016
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý và tài sản khác	03 - 07

Tài sản cố định vô hình

	Năm 2016
	Số năm
Quyền sử dụng đất	50
Nhãn hiệu hàng hóa	10
Bản quyền, bằng sáng chế	10
Công thức pha chế, thiết kế,...	10

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

Chi phí khuyến mãi, chiết khấu,...

Chi phí nguyên vật liệu: vải chính,...

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê mặt bằng) không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi số đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	7.281.100.006	9.570.529.390
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	101.804.884.666	117.719.293.948
Tương đương tiền	54.316.937.430	125.319.668.079
Cộng	163.402.922.102	252.609.491.417

5.2 Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Tổng giá trị cổ phiếu	2.000.000.000	960.000.000	(1.040.000.000)	2.000.000.000	1.320.000.000	(680.000.000)
Trong đó chủ yếu:						
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	2.000.000.000	960.000.000	(1.040.000.000)	2.000.000.000	1.320.000.000	(680.000.000)
Cộng	2.000.000.000	960.000.000	(1.040.000.000)	2.000.000.000	1.320.000.000	(680.000.000)

5.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	10.535.754.445	10.535.754.445	14.000.000.000	14.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	10.535.754.445	10.535.754.445	14.000.000.000	14.000.000.000
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	10.535.754.445	10.535.754.445	14.000.000.000	14.000.000.000

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.4 Phải thu của khách hàng

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	397.444.884.330	655.488.805.573
JP GLOBAL	23.078.996.509	8.789.905.008
H&M	11.828.556.568	14.154.092.560
BMB CLOTHING GROUP	34.535.871.481	18.898.535.568
LUCRETIA	19.862.956.816	16.561.234.214
GENEROS	18.175.759.929	2.583.474.294
Công ty Cổ phần Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Hưng Phát	10.622.034.478	-
Kelly Grace Corp., DBA Danny & Nicole	6.993.344.425	-
WORTHY GLOBAL LIMITED	25.802.290.584	-
DESIPRO PTE.LTD	-	76.166.704.258
MOTIVES	-	162.625.477.173
ASDA	-	5.755.359.457
WE EUROPE	1.345.616.048	6.061.029.217
JC PENNY	-	12.589.820.830
ARCADIA	-	8.437.458.337
GROSSO MODA	-	15.163.988.342
TRYBUS	-	7.026.066.082
Phải thu khách hàng khác	245.199.457.492	300.675.660.233
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	397.444.884.330	655.488.805.573

5.5 Phải thu khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	47.509.008.747	-	57.705.874.713	-
- Ứng tiền dự án Đức Linh	22.137.605.938	-	-	-
- Phải thu tiền bảo hiểm	874.778.654	-	2.850.889.069	-
- Tạm ứng	7.004.205.340	-	8.477.929.606	-
- Ký cược, ký quỹ	1.272.939.948	-	-	-
- Ứng tiền đầu tư dự án Hậu Giang	-	-	17.423.175.750	-
- Thuế chờ hoàn	5.124.052.979	-	2.509.747.911	-
- Phải thu khác	11.095.425.888	-	26.444.132.377	-
b) Dài hạn	51.006.221.560	-	32.854.758.817	-
- Công ty Cổ phần May Phù Cát	8.453.700.000	-	10.144.440.000	-
- Mua đất dự án Long Thới	34.296.286.150	-	20.284.186.150	-
- Ký cược, ký quỹ	2.275.424.624	-	2.426.132.667	-
- Phải thu khác	5.980.810.786	-	-	-
Cộng	98.515.230.307	-	90.560.633.530	-

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	322.220.946.002	(2.109.005.115)	341.554.373.241	(3.388.164.381)
Công cụ, dụng cụ	2.422.301.010	-	2.196.499.308	-
Chi phí SX KDDD	286.089.974.427	-	246.960.274.461	(721.000.000)
Thành phẩm	231.389.978.733	(1.619.622.088)	184.429.530.119	(1.097.806.773)
Hàng hóa	14.175.624.020	(1.162.205.861)	10.339.722.282	(140.659.170)
Hàng gửi bán	61.321.971.142	(1.010.950.068)	61.684.296.527	(1.010.950.068)
Cộng	917.620.795.334	(5.901.783.132)	847.164.695.938	(6.358.580.392)

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn	14.901.671.095	15.712.073.925
- Chi phí bảo hiểm	2.372.104.941	2.020.552.115
- Chi phí CCDC	1.614.465.519	6.896.296.374
- Máy móc thiết bị	14.995.758	16.542.262
- Phân bổ phụ tùng	1.099.368.292	376.469.858
- Chi phí quảng cáo	678.877.934	948.490.354
- Chi phí sửa chữa	947.367.710	864.179.168
- Chi phí thuê mặt bằng	2.885.814.629	3.441.380.030
- Tiền thuê đất	170.047.300	74.426.761
- Khác	5.118.629.012	1.073.737.003
b) Dài hạn	97.035.992.417	77.310.101.373
- Chi phí thuê đất	34.489.505.484	29.557.532.925
- Chi phí CCDC	34.763.942.084	22.964.457.267
- Chi phí quảng cáo	1.020.949.366	201.676.665
- Chi phí sửa chữa	9.249.608.727	7.787.691.207
- Chi phí phụ tùng	2.714.254.708	1.645.269.611
- Tài sản giảm theo thông tư 45	132.390.401	945.745.626
- Máy móc thiết bị	6.316.070.067	4.917.110.131
- Chi phí đào tạo nhân viên	5.936.922.389	4.000.000.000
- Chi phí chờ phân bổ	983.432.485	704.993.556
- Khác	1.428.916.706	4.585.624.385
Cộng	111.937.663.512	93.022.175.298

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.8 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Đơn vị tính: VND Tổng cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2016	479.883.701.811	549.257.418.537	42.004.043.310	13.459.213.916	2.787.893.157	1.087.392.270.731
Tăng trong năm	127.524.139.466	202.394.618.397	6.582.909.973	1.815.080.426	333.440.552	338.650.188.814
Mua trong năm	1.544.950.849	101.381.611.339	5.579.882.700	1.815.080.426	333.440.552	110.654.965.866
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	104.542.124.046	11.420.090.407	-	-	-	115.962.214.453
Tăng khác	21.437.064.571	89.592.916.651	1.003.027.273	-	-	112.033.008.495
Giảm trong năm	1.753.191.577	37.247.870.861	1.436.823.130	229.047.619	-	40.666.933.187
Thanh lý nhượng bán	1.753.191.577	37.192.870.861	760.166.857	229.047.619	-	39.935.276.914
Giảm khác	-	55.000.000	676.656.273	-	-	731.656.273
Số dư tại 31/12/2016	605.654.649.700	714.404.166.073	47.150.130.153	15.045.246.723	6.576.107.943	1.385.375.526.358
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2016	180.965.064.065	369.462.356.793	26.296.812.207	10.492.298.805	1.790.915.850	589.007.447.720
Tăng trong năm	33.359.504.645	70.408.929.700	4.377.061.409	1.397.272.640	343.047.039	109.885.815.433
Khấu hao trong năm	33.006.483.757	68.201.148.776	4.353.461.198	1.397.272.640	343.047.039	107.301.413.410
Tăng khác	353.020.888	2.207.780.924	23.600.211	-	-	2.584.402.023
Giảm trong năm	155.270.245	18.765.562.550	1.380.435.102	211.147.827	-	20.512.415.724
Thanh lý nhượng bán	155.270.245	18.738.062.552	760.166.857	187.547.616	-	19.841.047.270
Giảm khác	-	27.499.998	620.268.245	23.600.211	-	671.368.454
Số dư tại 31/12/2016	214.169.298.465	421.105.723.943	29.293.438.514	11.678.423.618	4.267.925.775	678.380.847.429
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2016	298.918.637.746	179.795.061.744	15.707.231.103	2.966.915.111	996.977.307	498.384.823.011
Tại ngày 31/12/2016	391.485.351.235	293.298.442.130	17.856.691.639	3.366.823.105	2.308.182.168	706.994.678.929

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.9 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu, hàng hóa, bản quyền, bằng sáng chế	Quyền phát hành, giấy phép, giấy nhượng quyền	Công thức, pha chế thiết kế, kiểu mẫu	Phần mềm máy tính	<i>Đơn vị tính: VND</i> Tổng cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2016	2.290.846.452	22.861.145.170	12.323.741.389	2.333.573.820	1.516.951.750	41.326.258.581
Tăng trong năm	20.039.596.645	1.536.632.533	-	-	23.181.373.088	44.757.602.266
Mua trong năm	1.100.000.000	1.536.632.533	-	-	426.000.000	3.062.632.533
Tăng khác	18.939.596.645	-	-	-	22.755.373.088	41.694.969.733
Giảm trong năm	-	18.558.812.252	12.323.741.389	2.333.573.820	-	33.216.127.461
Giảm khác	-	18.558.812.252	12.323.741.389	2.333.573.820	-	33.216.127.461
Số dư tại 31/12/2016	22.330.443.097	5.838.965.451	-	-	72.578.022.764	52.867.733.386
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2016	277.793.132	5.678.213.917	2.351.068.702	1.523.343.577	921.018.285	10.751.437.613
Tăng trong năm	2.405.865.591	2.435.313.643	524.294.484	233.357.388	6.679.892.514	12.278.723.620
Khấu hao trong năm	235.289.424	2.435.313.643	524.294.484	233.357.388	268.404.354	3.696.659.293
Tăng khác	2.170.576.167	-	-	-	6.411.488.160	8.582.064.327
Giảm trong năm	-	3.797.819.795	2.875.363.186	1.756.700.965	-	8.429.883.946
Giảm khác	-	3.797.819.795	2.875.363.186	1.756.700.965	-	8.429.883.946
Số dư tại 31/12/2016	2.683.658.723	4.315.707.765	-	-	8.790.333.438	14.600.277.287
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2016	2.013.053.320	17.182.931.253	9.972.672.687	810.230.243	595.933.465	30.574.820.968
Tại ngày 31/12/2016	19.646.784.374	1.523.257.686	-	-	63.787.689.326	38.267.456.099

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.10 Đầu tư tài chính dài hạn

Đối tượng đầu tư	31/12/2016			01/01/2016	
	Tỷ lệ	Giá gốc	Giá hợp lý	Giá gốc	Giá hợp lý
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết		84.711.989.920	94.236.699.758	72.261.989.920	79.272.411.370
Công ty CP May Phú Thịnh - Nhà Bè	33,19%	9.223.819.263	10.514.988.557	9.223.819.263	11.124.549.436
Công ty CP May Nam Định	34,33%	3.889.170.657	6.834.259.070	3.889.170.657	9.890.714.099
Công ty CP Đầu Tư Nhà Bè	28,58%	3.429.000.000	4.514.364.614	3.429.000.000	4.106.682.664
Công ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	30,00%	1.500.000.000	4.851.717.874	1.500.000.000	4.157.720.271
Công ty CP Bất động sản Nhà Bè	30,00%	9.000.000.000	8.442.993.616	9.000.000.000	8.444.148.646
Công ty CP Xây Lắp Công Nghiệp Nhà Bè	29,99%	3.000.000.000	4.556.603.670	3.000.000.000	4.531.851.299
Công ty CP May Sông Tiền	43,89%	15.360.000.000	28.088.336.174	15.360.000.000	29.141.382.708
Công ty CP Truyền thông & Du lịch NBC	53,33%	22.000.000.000	14.137.341.299	17.000.000.000	923.639.220
Công ty CP Truyền Thông Nhà Bè	46,67%	560.000.000	560.000.000	560.000.000	-
Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	25,00%	7.500.000.000	5.344.726.906	7.500.000.000	5.340.779.877
Công ty CP Thương Mại Bán Lẻ Nhà Bè	32,84%	5.250.000.000	3.661.339.571	1.800.000.000	1.610.943.150
Công ty CP SX - TM - DV Hưng Phát	20,00%	4.000.000.000	2.730.028.407	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác		27.755.613.385	27.755.613.385	34.845.853.385	34.845.853.385
Đầu tư trái phiếu					
Công ty CP May An Nhơn		-	-	790.240.000	790.240.000
Công ty CP Sản xuất TM DV Hưng Phát		2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Đầu tư khác					
Công ty CP May Việt Thắng (Vigaco)		3.747.100.000	3.747.100.000	3.747.100.000	3.747.100.000
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Bình Thắng		5.802.843.385	5.802.843.385	5.802.843.385	5.802.843.385
Công ty CP NPL Dệt May Bình An		7.161.920.000	7.161.920.000	7.161.920.000	7.161.920.000
Công ty CP Dệt may Liên Phương		3.480.000.000	3.480.000.000	3.480.000.000	3.480.000.000
Công ty CP May Nam Định		1.338.750.000	1.338.750.000	1.338.750.000	1.338.750.000
Công ty CP Truyền thông & Du lịch NBC		-	-	2.300.000.000	2.300.000.000
Công ty CP Sản xuất - TM - DV Hưng Phát		-	-	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty CP Đầu Tư An Phát		4.225.000.000	4.225.000.000	4.225.000.000	4.225.000.000
Cộng		112.467.603.305	121.992.313.143	107.107.843.305	114.118.264.755

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.11 Phải trả người bán

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	298.202.792.065	298.202.792.065	295.153.289.744	295.153.289.744
Motives (Far East) Ltd.	12.222.664.521	12.222.664.521	13.347.859.645	13.347.859.645
Công ty TNHH Coats Phong Phú	7.091.377.059	7.091.377.059	12.816.655.224	12.816.655.224
Công ty CP SX TM DV Hưng Phát	1.968.061.383	1.968.061.383	10.873.167.692	10.873.167.692
Công ty TNHH May XK Việt Thành	9.453.972.475	9.453.972.475	10.217.121.782	10.217.121.782
Công ty CP May Tây Sơn	2.087.143.842	2.087.143.842	10.054.160.258	10.054.160.258
Công ty TNHH TM May Thêu Minh Hoàng	4.210.788.971	4.210.788.971	-	-
Công ty TNHH SX-TM-DV In Bao bì Khải Hưng	3.588.625.953	3.588.625.953	452.198.571	452.198.571
Nataka Corporate Private Limited	22.285.218.400	22.285.218.400	30.533.025.710	30.533.025.710
Phải trả các nhà cung cấp khác	235.294.939.461	235.294.939.461	206.859.100.862	206.859.100.862
b. Dài hạn	375.597.034	375.597.034	1.496.498.790	1.496.498.790
Phải trả các nhà cung cấp khác	375.597.034	375.597.034	1.496.498.790	1.496.498.790
Cộng	298.578.389.099	298.578.389.099	296.649.788.534	296.649.788.534

5.12 Thuế và các khoản phải nộp/ phải thu Nhà nước

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2016
Phải nộp	25.136.691.574	103.659.882.321	97.065.730.060	29.759.479.379
Thuế GTGT	8.780.342.908	54.841.544.023	49.157.533.745	13.794.896.979
Thuế xuất, nhập khẩu	1.141.703.968	6.374.562.645	6.383.701.160	1.132.565.453
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.258.935.930	22.045.586.296	19.891.348.922	9.264.649.608
Thuế thu nhập cá nhân	3.117.769.084	8.322.633.420	7.402.573.641	3.884.444.310
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	3.786.656.000	8.337.013.144	10.623.231.277	1.500.437.867
Các loại thuế khác	-	39.000.000	39.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	51.283.684	3.699.542.793	3.568.341.315	182.485.162
Phải thu	17.920.814.153	7.266.241.315	2.323.696.168	12.978.269.006
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	79.894.911	79.894.911	60.000	60.000
Thuế xuất, nhập khẩu nộp thừa	15.026.155.297	4.415.621.597	2.274.726.284	12.885.259.984
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	2.638.083.857	2.638.083.857	48.909.884	48.909.884
Thuế nhà đất và tiền thuê đất nộp thừa	132.640.950	132.640.950	-	-
Các khoản khác phải thu nhà nước	44.039.138	-	-	44.039.138

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.13 Chi phí phải trả

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn	44.317.098.563	38.344.750.198
- Chi phí khuyến mãi, chiết khấu, hoa hồng	14.173.863.670	11.379.206.059
- Bản quyền phần mềm Microsoft	-	23.247.298
- Chi phí nguyên vật liệu - Vải chính	12.737.444.571	13.504.887.911
- Hạng mục san nền mặt bằng và đường trực	-	1.141.235.091
- Chi phí điện, nước, vận chuyển	4.814.051.690	6.482.437.753
- Chi phí phải trả khác	12.591.738.632	5.813.736.086
b) Dài hạn	-	-
Cộng	44.317.098.563	38.344.750.198

5.14 Phải trả khác

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn	56.301.426.390	46.762.455.659
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
Kinh phí công đoàn	8.645.741.749	5.510.342.322
Bảo hiểm xã hội	16.510.523.744	7.207.524.777
Bảo hiểm y tế	2.525.147.467	1.316.328.107
Bảo hiểm thất nghiệp	1.189.078.758	578.762.458
Tiền trái phiếu chuyển đổi phát hành	-	11.800.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	11.302.877.840	9.895.941.250
Các khoản phải trả, phải nộp khác	16.118.056.832	10.453.556.745
b) Dài hạn	22.769.272.774	35.629.182.174
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	19.345.567.500	32.205.476.900
Xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại CCN Tam	3.423.705.274	3.423.705.274
Cộng	79.070.699.164	82.391.637.833

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.15 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2016 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	1.176.828.009.062	1.176.828.009.062	3.048.006.432.490	3.276.590.507.698	1.400.310.126.343	1.400.310.126.343
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	495.787.184.698	495.787.184.698	1.246.467.344.353	1.353.122.282.505	602.442.122.850	602.442.122.850
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4	142.909.686.924	142.909.686.924	283.225.927.405	316.010.868.406	175.694.627.925	175.694.627.925
Ngân hàng TNHH Một thành viên	11.807.852.017	11.807.852.017	41.533.611.845	97.862.980.978	68.137.221.150	68.137.221.150
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	125.451.655.151	125.451.655.151	280.928.923.093	310.251.236.567	154.773.968.625	154.773.968.625
Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh	15.084.324.965	15.084.324.965	62.030.465.686	82.737.673.496	35.791.532.775	35.791.532.775
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đông Sài Gòn	16.903.807.461	16.903.807.461	113.823.377.700	147.228.073.089	50.308.502.850	50.308.502.850
Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)	18.614.794.516	18.614.794.516	71.608.758.352	52.993.963.836	-	-
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ Việt Nam	9.324.919.121	9.324.919.121	93.912.750.494	106.501.829.223	21.913.997.850	21.913.997.850
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn	76.842.563.337	76.842.563.337	177.564.903.577	226.510.025.515	125.787.685.275	125.787.685.275
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á- CN Sài Gòn	8.581.151.320	8.581.151.320	13.959.397.614	63.653.794.970	58.275.548.676	58.275.548.676
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- CN Bình Thuận	14.167.128.793	14.167.128.793	93.974.142.882	105.104.122.009	25.297.107.920	25.297.107.920

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

	31/12/2016 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - PGD Lagi	-	-	7.030.000.000	7.030.000.000	-	-
TORAY INTERNATIONAL, INC	908.000.000	908.000.000	908.000.000	3.242.880.000	3.242.880.000	3.242.880.000
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Bình Định	22.751.375.704	22.751.375.704	126.452.910.820	135.777.180.981	32.075.645.865	32.075.645.865
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Định	87.082.238.402	87.082.238.402	110.565.767.139	31.741.058.291	8.257.529.554	8.257.529.554
Ngân hàng TMCP Hàng Hải	-	-	31.783.544.764	31.783.544.764	-	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	29.999.080.282	29.999.080.282	46.172.691.698	16.173.611.416	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN HCM	8.543.862.150	8.543.862.150	17.883.746.973	15.703.811.381	6.363.926.558	6.363.926.558
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Bình Định	697.285.332	697.285.332	19.303.645.231	24.892.904.681	6.286.544.782	6.286.544.782

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Bảo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

	31/12/2016 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-			-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - USD	19.431.392.120	19.431.392.120	19.463.152.130	10.021.760.010	9.990.000.000	9.990.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - VND	4.779.561.851	4.779.561.851	4.779.561.851	4.211.344.000	4.211.344.000	4.211.344.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- CN Bình Thuận(USD) (*)			1.001.128.793	3.971.086.720		
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- CN Bình Thuận(VND)				2.132.000.000		
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Định	3.515.412.884	3.515.412.884	3.518.479.155	8.175.560.479	8.172.494.208	8.172.494.208
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Bình Định	2.890.000.000	2.890.000.000	2.890.000.000	3.287.445.480	3.287.445.480	3.287.445.480
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Bình Định (USD)	7.232.416.800	7.232.416.800	7.232.416.800	-	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hồ Chí Minh	51.424.097.595	51.424.097.595	122.632.269.313	71.208.171.718	-	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4	30.000.000	30.000.000	30.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tân Bình	-	-	39.132.907.947	39.132.907.947	-	-
Vay ngắn hạn khác từ cá nhân	2.068.217.639	2.068.217.639	8.196.606.875	6.128.389.236	-	-

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

	31/12/2016 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b) Vay dài hạn	266.227.335.315	266.227.335.315	237.009.458.060	55.293.596.406	84.511.473.661	84.511.473.661
Từ 12 đến 60 tháng						
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thành phố Hồ Chí Minh USD	53.214.650.000	53.214.650.000	44.768.542.120	19.431.392.120	27.877.500.000	27.877.500.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thành phố Hồ Chí Minh - VND	18.007.323.033	18.007.323.033	7.926.997.866	5.896.690.833	15.977.016.000	15.977.016.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- CN Bình Thuận	-	-	-	759.523.934	759.523.934	759.523.934
TORAY INTERNATIONAL, INC	38.306.393	38.306.393		900.800.000	939.106.393	939.106.393
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Bình Định	10.711.605.442	10.711.605.442	-	7.483.355.317	18.194.960.759	18.194.960.759
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Bình Định	10.411.818.625	10.411.818.625	10.440.286.252	20.791.834.202	20.763.366.575	20.763.366.575
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4	144.402.633.453	144.402.633.453	144.432.633.453	30.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hồ Chí Minh (3)	29.440.998.369	29.440.998.369	29.440.998.369			-
Tổng	1.443.055.344.377	1.443.055.344.377	3.285.015.890.550	3.331.884.104.104	1.484.821.600.004	1.484.821.600.004

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.16 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2015	182.000.000.000	41.279.299.787	84.108.453.137	73.722.979.087	381.110.732.011
Tăng trong năm	-	6.754.176.782	97.512.489.717	47.187.143.478	151.453.809.977
Lợi nhuận sau thuế	-	-	89.029.039.440	26.135.109.907	115.164.149.347
Phân phối lợi nhuận	-	2.297.823.580	-	-	2.297.823.580
Tăng từ Công ty CP May Bình Thuận	-	4.456.353.202	7.494.647.046	21.052.033.571	33.003.033.819
Tăng khác	-	-	988.803.231	-	988.803.231
Giảm trong năm	-	1.127.521.183	81.489.481.333	14.871.249.385	97.488.251.901
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.297.823.578	-	2.297.823.578
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	15.495.864.709	3.916.462.199	19.412.326.908
Chia cổ tức	-	-	63.232.689.372	10.624.564.905	73.857.254.277
Giảm khác	-	1.127.521.183	463.103.674	330.222.281	1.920.847.138
Số dư tại 31/12/2015	182.000.000.000	46.905.955.386	100.131.461.521	106.038.873.180	435.076.290.087
Số dư tại 01/01/2016	182.000.000.000	46.905.955.386	100.131.461.521	106.038.873.180	435.076.290.087
Tăng trong năm	-	925.697.617	66.635.788.049	9.641.018.000	77.202.503.665
Lợi nhuận sau thuế	-	-	52.540.356.760	329.008.559	52.869.365.319
Phân phối lợi nhuận	-	925.697.617	-	-	925.697.617
Tăng do hợp nhất May Hậu Giang	-	-	340.570.844	132.444.217	473.015.061
Tăng do hợp nhất May Gia Phúc	-	-	13.754.860.445	9.179.565.224	22.934.425.669
Giảm trong năm	-	2.458.177.171	80.585.690.026	34.962.642.180	118.006.509.376
Chia cổ tức	-	-	59.477.655.278	13.977.655.278	73.455.310.556
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	925.697.617	925.697.617	1.851.395.234
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	19.574.684.257	20.059.289.285	39.633.973.542
Giảm khác	-	2.458.177.171	607.652.873	-	3.065.830.044
Số dư tại 31/12/2016	182.000.000.000	45.373.475.832	86.181.559.544	80.717.249.000	394.272.284.376

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2016	Tỷ lệ	01/01/2016	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	50.400.000.000	27,69%	50.400.000.000	27,69%
Công ty Cổ phần 4M	14.165.710.000	7,78%	14.165.710.000	7,78%
Công ty Cổ phần Thương mại & Vận tải Biển Bơm	491.220.000	0,27%	491.220.000,00	0,27%
Các cổ đông khác	116.943.070.000	64,26%	116.943.070.000	64,25%
Tổng	182.000.000.000	100%	182.000.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	182.000.000.000	182.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	182.000.000.000	182.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	59.477.655.278	63.232.689.372

d. Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.200.000	18.200.000
Cổ phiếu phổ thông	18.200.000	18.200.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)</i>	10.000	10.000

5.17 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
a) Doanh thu	4.233.351.094.394	4.433.111.496.685
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.233.351.094.394	4.433.111.496.685
Cộng	4.233.351.094.394	4.433.111.496.685
Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Chiết khấu thương mại	-	2.850.375
- Giảm giá hàng bán	1.802.888.973	2.201.699.648
- Hàng bán bị trả lại	16.096.017.065	13.149.677.675
Doanh thu thuần	4.215.452.188.356	4.417.757.268.987

5.18 Giá vốn hàng bán

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn của thành phẩm và dịch vụ đã bán	3.412.883.530.611	3.538.698.685.288
Cộng	3.412.883.530.611	3.538.698.685.288
5.19 Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.300.026.438	4.301.626.438
Lãi bán các khoản đầu tư	-	376.087.203
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.623.536.883	3.998.281.686
Lãi chênh lệch tỷ giá	30.775.098.163	46.648.422.660
Lãi thanh lý công ty con	2.550.000.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	437.117.453
Cộng	41.248.661.484	55.761.535.440
5.20 Chi phí tài chính		
	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền vay	38.696.199.791	36.213.513.296
Lỗ chênh lệch tỷ giá	40.251.833.143	86.734.751.533
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	360.000.000	40.000.000
Chi phí tài chính khác	500.000.012	754.149.472
Cộng	79.808.032.946	123.742.414.301
5.21 Chi phí bán hàng		
	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên	62.566.911.616	46.318.660.318
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	6.184.399.456	7.430.821.894
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	5.025.382.060	3.315.469.760
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.743.279.912	1.582.160.399
Thuế phí và lệ phí	96.431.000	105.707.272
Chi phí dịch vụ mua ngoài	193.611.821.906	203.594.660.601
Chi phí bằng tiền khác	40.387.824.292	43.847.054.430
Cộng	309.616.050.242	306.194.534.674

5.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	243.567.453.884	251.543.370.567
Chi phí vật liệu quản lý	14.367.070.399	13.947.837.047
Chi phí đồ dùng văn phòng	11.684.172.160	6.333.236.775
Chi phí khấu hao TSCĐ	29.092.668.307	21.343.028.116
Thuế phí và lệ phí	2.757.646.003	3.208.143.782
Chi phí dự phòng	795.876.654	737.129.275
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.782.460.169	33.667.494.186
Chi phí bằng tiền khác	43.458.441.661	53.163.032.238
Cộng	405.505.789.237	383.943.271.986
5.23 Thu nhập khác/ Chi phí khác		
	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.939.539.334	1.294.412.340
Các khoản khác	30.570.666.770	20.062.560.275
Cộng	34.510.206.104	21.356.972.615
<i>Chi phí khác</i>		
Chi phí thanh lý CCDC	88.521.368	-
Các khoản bị phạt	725.418.843	812.666.912
Các khoản khác	9.314.667.282	9.335.553.132
Cộng	10.128.607.493	10.148.220.044
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	24.381.598.611	11.208.752.571
5.24 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	79.929.767.649	143.893.505.287
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	12.664.328.749	11.828.918.350
Phạt vi phạm	779.736.119	840.147.445
Chi phí không hợp lý hợp lệ	6.751.373.234	8.499.923.763
Các khoản khác	5.133.219.396	2.488.847.142
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	14.373.654.688	29.222.723.323
<i>Thu nhập từ nhận cổ tức</i>	<i>5.981.098.527</i>	<i>4.848.133.121</i>
Điều chỉnh lãi lỗ liên doanh - liên kết	6.660.722.234	11.744.854.538
Các khoản khác	1.731.833.927	12.629.735.664
Thu nhập chịu thuế	78.220.441.710	126.499.700.314
Các khoản lỗ của Công ty con	(52.354.746.260)	-
Thu nhập tính thuế	130.575.187.970	126.499.700.314
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	22%
Điều chỉnh thuế TNDN truy thu các năm trước	-	913.507.235
Thuế TNDN hiện hành	26.115.037.594	28.743.441.304
5.25 Lãi cơ bản trên cổ phiếu		

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập	52.211.348.201	89.029.039.440
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	(11.867.792.471)	(10.946.863.399)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	40.343.555.730	78.082.176.041
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	18.200.000	18.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.217	4.290

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch với bên liên quan****Giao dịch bán hàng**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty LD, liên kết	Điện, nước, thuê máy	31.824.000	11.254.000
		Gia công	281.417.701	
		Nguyên phụ liệu	98.898.175	21.652.398
		Quần áo	452.891.818	291.777.048
		Khác		6.304.880
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thương mại Nhà Bè	Công ty LD, liên kết	Quần áo	87.884.093	151.798.320
		Điện, nước, thuê máy	278.739.950	438.263.654
Công ty CP May Phú Thịnh-NB	Công ty LD, liên kết	Điện, nước, thuê máy	29.370.000	8.556.000
		Quần áo	53.809.091	3.818.190
		Gia công	5.090.920	
		Thiết bị các loại	-	145.090.876
		Chi phí xuất nhập khẩu	-	5.129.550
Công ty Cổ phần Truyền thông và Du lịch NBC	Công ty LD, liên kết	Khác	-	5.810.788
		Điện, nước, thuê máy	98.074.705	162.014.922
		Tiền thuê nhà	284.436.580	138.651.070
		Gia công	-	18.300.000
		Thiết bị các loại	3.636.364	
Công ty CP Thương Mại Bán Lẻ Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Khác	25.024.691	1.764.360
		Tiền thuê nhà	328.032.774	66.355.740
		Khác	8.296.000	-
		Điện, ăn, nước, thuê máy	75.933.182	14.186.928
		Quần áo		10.605.441
Công Ty CP Xây Lắp Công Nghiệp Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Tiền thuê nhà	223.928.146	71.838.900
		Quần áo	33.027.273	50.585.980
		Khác	10.914.000	
		Điện, ăn, nước, thuê máy	53.334.032	23.841.880
Tổng			2.464.563.495	1.647.600.925

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

6.1 Giao dịch với bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch mua hàng trong năm**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát triển Thương mại dịch vụ Nhà Bè	Công ty LD, liên kết	Thiết bị các loại	-	1.818.181.818
		Công cụ, dụng cụ	-	100.000.000
		Phí vận chuyển	57.673.196.352	54.547.889.002
		khác	412.628.347	13.512.565.773
		Sửa chữa	54.713.740	71.480.134
Công ty CP May Phú Thịnh-NB	Công ty LD, liên kết	May gia công	4.024.994.714	18.462.799.010
Công ty Cổ Phần Truyền Thông và Du lịch NBC	Công ty LD, liên kết	Công cụ dụng cụ, thiết bị các loại	1.745.988.329	2.637.382.952
		Dịch vụ bảo trì máy vi tính	862.197.750	743.595.000
		Duy trì web và Cung cấp thiết bị	84.000.000	261.983.414
		Vận chuyển và cung cấp dịch vụ	1.186.410.886	722.523.364
		Quảng cáo và VPP	1.678.540.000	1.399.745.412
		Thi công gian hàng hội chợ	57.534.900	
		Thi công các công trình, và CC DV	2.508.766.779	826.100.643
		TSCĐ, khác	603.729.395	6.860.238.663
Công ty CP Tư vấn Công Nghệ NB	Công ty LD, liên kết	CCDC và NVL	224.182.000	12.519.308.650
		Tài sản cố định	3.272.447.000	
		Dịch vụ bảo trì máy vi tính	144.800.000	225.966.666
		Phụ tùng, khác		45.800.000
		Thiết bị các loại và VPP		184.425.000
Công ty CP Xây Lắp CN Nhà Bè	Công ty LD, liên kết	CCDC	67.790.900	676.742.700
		Mua NVL	1.324.636.480	
		Thiết bị các loại		2.351.975.320
		Xây dựng cơ bản dở dang, khác	255.240.001	161.383.700
		Sửa chữa	205.405.977	4.465.912.087
Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	Công ty LD, liên kết	Nhập gia công	735.848.990	
Công Ty CP Thương Mại Bán Lẻ Nhà Bè	Công ty LD, liên kết	khác		370.529.418
Tổng			77.123.052.540	122.966.528.726

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

6.1 Giao dịch với bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư với bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty Cổ phần Xây lắp CN Nhà Bè	Công ty liên danh, liên kết	Phải thu khách hàng	20.252.430	19.985.130
Công ty Cổ phần Thương mại Bán lẻ Nhà Bè	Công ty liên danh, liên kết	Phải thu khách hàng	59.276.448	29.311.524
Công ty CP Truyền thông và du lịch NBC	Công ty liên danh, liên kết	Phải thu khách hàng	157.132.580	-
Công ty Cổ phần Đầu Tư & Phát triển DVTM Nhà Bè	Công ty liên danh, liên kết	Phải thu khách hàng	143.092.862	143.972.328
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên danh, liên kết	Phải thu khách hàng	4.464.000	47.568.088
Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè	Công ty liên danh, liên kết	Phải thu khách hàng	-	198.139.435
Công ty CP Truyền thông và du lịch NBC	Công ty liên danh, liên kết	Phải trả người bán	1.594.169.065	-
Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè	Công ty liên danh, liên kết	Phải trả người bán	-	2.286.890.034
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên danh, liên kết	Phải trả người bán	1.082.587.883	3.523.530.552
Công ty Cổ phần Xây lắp CN Nhà Bè	Công ty liên danh, liên kết	Phải trả người bán	62.591.402	-
Công ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	Công ty liên danh, liên kết	Phải trả người bán	6.688.000	601.028.743
Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	Công ty liên danh, liên kết	Phải trả người bán	809.399.390	344.990
Công ty Cổ phần Xây lắp CN Nhà Bè	Công ty liên danh, liên kết	Trả trước người bán	1.689.597.138	1.916.980.674
Công ty Cổ phần May Phú Thịnh Nhà Bè	Công ty liên danh, liên kết	Trả trước người bán	1.836.556.028	-
Công ty Cổ phần Đầu Tư & Phát triển DVTM Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khác	229.310.200	125.103.668
Công ty CP Truyền Thông và Du Lịch NBC	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khác	27.595.797	29.435.805
Công ty CP May Sông Tiền	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khác	-	4.355.478
Công ty CP Thương Mại Bán Lẻ Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khác	19.920.620	6.181.276
Công ty CP Xây Lắp Công Nghiệp Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khác	6.107.682	7.838.501
Tổng			7.748.741.525	8.940.666.226

Người lập



Phùng Thị Quế Thanh

Kế toán trưởng



Mai Văn Hoàng Dũng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2017

Tổng Giám đốc



Phạm Phú Cường